

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 22/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10/12/2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/01/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp, tạm trú: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh N đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã 7, huyện 8, tỉnh Nghệ An, sau đó tổ chức đám cưới, việc chị và anh N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con, đã nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh N không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 24/6/2009, hiện nay đang do anh N nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/6/2017, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh N, chị đồng ý giao cháu N1 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu B chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/12/2018 bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Anh và chị H quen biết sau 4 năm thì tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã 7, huyện 8, tỉnh Nghệ An, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm không về nhà nhiều lần, nay anh còn thương yêu vợ và con, nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn về con chung và tài sản chung anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 24/6/2009 hiện nay anh đang nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/6/2017 hiện nay chị H đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 đến trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của các đương sự, các đương sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[2.2] Về hôn nhân: Chị H và anh N đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã 7, huyện 8, tỉnh Nghệ An, việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị H và anh N đã sống ly thân từ 2017 đến nay. Sau khi sống ly thân anh, chị không gặp nhau để bàn bạc nhằm hàn gắn, Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng chị H không thống nhất;

Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh N là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Căn cứ vào khoản

1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 24/6/2009, hiện nay đang do anh N nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/6/2017, hiện nay chị H đang nuôi dưỡng. Giữa chị H và anh N đã thỏa thuận giao cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 24/6/2009 hiện nay anh N đang nuôi dưỡng cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/6/2017 hiện nay chị H đang nuôi dưỡng được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị H và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh N và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng các Điều 28, 35, 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị H và anh N như sau:

Giao cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 24/6/2009, hiện anh N nuôi dưỡng cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/6/2017, hiện đang do chị H nuôi dưỡng được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh N không yêu cầu, nên anh N và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số: BH/2017-004466 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND xã 7, huyện 8, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán